TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/02/2026
"Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoài, bà Đoàn Thị Chuyền.

- ***Thư ký phiên to***à: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên toà***: Ông Phạm Sỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh ngày 09/5/1993.

Căn cước công dân số: 015193010754.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng (Địa chỉ cũ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình Q**, sinh ngày 10/9/1981.

Căn cước công dân số: 030081008035.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng (Địa chỉ cũ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương).

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 21/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, nay là xã N, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, không có tiếng nói chung. Anh Q còn thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn về mâu thuẫn với vợ con. Chị đã cố gắng hàn gắn, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không thành.

Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 02/2023 chị đã bỏ đi thuê nhà chỗ khác ở. Sau khi chị bỏ đi anh Q có đến tìm khuyên nhủ chị quay về nhưng chị không đồng ý và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay mỗi người sống một nơi không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc, hiện chị không còn tình cảm với anh Q, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Nguyễn Toàn T, sinh ngày 06/4/2015. Ly hôn chị đề nghị Toà án giao cho chị nuôi dưỡng cháu N, giao cho anh Q nuôi dưỡng cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị đang công tác tại Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi xã N, thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng và làm thêm tại xưởng may và bán hàng, thu nhập thêm khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Cộng khoảng 21.000.000đồng/tháng, chị cam kết đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi trưởng thành. Mẹ con chị hiện đang ở trọ nhưng vẫn đảm bảo cuộc sống của mẹ con chị. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình làm việc và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án: Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Đình Q và đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh Q và thông báo cho anh Q biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Q đều vắng mặt, không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh Q về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Q đều vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần anh Q đến phiên tòa nhưng anh Q đều không có mặt tại phiên tòa.

Lời khai của người thân gia đình anh Nguyễn Đình Q là bà Trịnh Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bà, anh Q, chị H mâu thuẫn khoảng hơn 1 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, khi xảy ra mâu thuẫn anh chị có tìm cách để hòa giải nhưng không thành. Chị H đã bỏ đi thuê nhà chỗ khác ở và không quay lại chung sống với anh Q nữa, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh Q biết việc chị H xin ly hôn và có quan điểm là không nhất trí ly hôn, anh Q đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn ly hôn của chị H mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy các con. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đành phải chấp nhận. Về con chung như chị H trình bày là đúng. Ly hôn anh Q có nguyện vọng nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh nhưng chị H phải có trách nhiệm với các con theo điều kiện kinh tế và khả năng của chị H. Anh Q hiện đang là lao động tự do thu nhập cụ thể bao

nhiêu/tháng bà không nắm được, nếu anh Q được nuôi cả hai con bà sẵn sàng hỗ trợ việc chăm sóc các con khi anh Q đi làm. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, anh Q không yêu cầu giải quyết. Các văn bản, tài liệu tố tụng của Toà án gửi cho anh Q bà nhận hộ, bà đã giao và thông báo toàn bộ các văn bản, tài liệu của Tòa án cho anh Q biết, anh Q không có ý kiến gì. Anh Q xác định anh sẽ không đến Tòa án để làm việc, tham gia tố tụng tại Toà án.

Kết quả làm việc với địa phương ông Phạm Hồng S trình bày ý kiến: Anh Q, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, nay là xã N, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống anh chị có mâu thuẫn còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào ông không nắm được. Hiện nay chị H không chung sống cùng anh Q. Nay, chị H xin ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho anh chị về với nhau, nếu không được thì Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai của cháu Nguyễn Quỳnh N trình bày: Cháu hiện đang ở với mẹ, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Bùi Thị H khi bố mẹ ly hôn. Lời khai của cháu Nguyễn Toàn T trình bày: Khi bố mẹ ly hôn cháu mong muốn được sống cùng với bố Nguyễn Đình Q.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H. Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q.

Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/6/2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Đình Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Toàn T, sinh ngày 06/4/2015 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Không.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đình Q là bị đơn; Nơi cư trú: thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng. Chị Bùi Thị H nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân khu vực 13 thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ anh Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q không chấp hành. Tòa án đã tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh Q vẫn vắng mặt không có lý do, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đình Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, nay là xã N, thành phố Hải Phòng ngày 21/06/2010. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của chị H, lời trình bày của đại diện gia đình anh Q và tài liệu đã thu thập có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị H xác định giữa chị và anh Q không còn tình cảm, tình nghĩa, không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh Q. Anh Q trình bày tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng trong thời gian sống ly thân anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể hoà giải. Khi Tòa án báo gọi hoà giải anh đều vắng mặt, chứng tỏ anh Q không có thiện trí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên anh không đến để tham gia phiên họp và hòa giải. Chị H thì kiên quyết xin ly hôn, điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không có tiếng nói chung và tình cảm không còn hướng về nhau, trong khi đó hôn nhân chỉ hạnh phúc khi có sự xây dựng và vun đắp từ hai phía. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H, anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H, nên xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình Q là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, anh Q có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/6/2011 và Nguyễn Toàn T, sinh ngày 06/4/2015.

Xét về nguyện vọng của cháu N có nguyện vọng ở với mẹ, cháu T có nguyện vọng ở với bố. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng cháu N, giao cho anh Q nuôi dưỡng cháu T, chị cam kết đủ điều kiện trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng cháu N đến khi trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Chị đang làm công ty thu nhập bình quân từ 6.000.000 đồng/tháng phù hợp với bảng tổng hợp thu nhập lương do chị H cung cấp và thu nhập làm thêm 15.000.000đ/tháng. Anh Q không cung cấp chứng cứ, chứng minh thu nhập của anh cho Tòa. Bà M đồng ý hỗ trợ anh Q chăm sóc cháu khi anh Q đi làm. Các cháu đang ổn định trường lớp, chỗ ăn, ở và nguyện vọng của các con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu T có nguyện vọng ở với bố, chị H đồng ý theo nguyện vọng của các con. Do vậy cần giao con chung Nguyễn Thị N1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao con chung Nguyễn Toàn T cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Anh Q không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh Q có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị H khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình Q.

2. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/6/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Toàn T, sinh ngày 06/4/2015, cho anh Nguyễn Đình Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị H, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E, Số: 0005575 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự, thành phố Hải Phòng, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng;
(để ghi vào sổ hộ tịch; ĐK số 12 ngày 21/6/2010)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Quang Khuyến